

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị T; sinh năm 1992; nơi ĐKKTT: Thôn B, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Chỗ ở hiện nay: Khu T, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh Tô Đức N; sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn B, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Nông Thị T và anh Tô Đức N.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị T và anh Tô Đức N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nông Thị T và anh Tô Đức N thoả thuận.

Giao cho anh Tô Đức N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tô Hoàng M, sinh ngày 16/6/2009 và cháu Tô Hoàng T1, sinh ngày

12/11/2010 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

*Sau khi ly hôn chị T không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, sau này chị T và anh N có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.*

- Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Nông Thị T tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nông Thị T đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Mê theo biên lai số 0003912 ngày 10/6/2024. Chị Nông Thị T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Tô Đức N không phải chịu tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Mê;
- UBND thị trấn Y;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Bắc Mê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Dương Văn Công**